

## KẾT LUẬN THANH TRA

### Việc tổ chức thực hiện và quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: 2021 - 2025

Thực hiện Quyết định số 87/QĐ-TTR ngày 17/9/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh về thanh tra việc tổ chức thực hiện và quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; từ ngày 20/9/2024 đến ngày 21/11/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra các đơn vị: Ban Dân tộc, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, UBND các huyện: Định Hóa, Phú Lương.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 07/02/2025 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

#### A. KHÁI QUÁT CHUNG

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (viết tắt là Chương trình) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 là một chương trình lớn, có đối tượng phạm vi rộng. Chương trình gồm 10 Dự án, 14 Tiểu dự án, 36 nội dung thành phần, do 23 bộ, ngành tham gia quản lý và tổ chức triển khai thực hiện.

- Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, Chương trình được thực hiện tại 110 xã, thị trấn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc 09 huyện, thành phố. UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho 09 huyện, thành phố và 15 sở, ngành, đoàn thể tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Chương trình.

- UBND tỉnh giao cho các sở, ngành, đoàn thể chủ trì Dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình. Cơ quan chủ trì chương trình, dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần có trách nhiệm tổng hợp kế hoạch của các địa phương để tổng hợp chung thành kế hoạch của tỉnh, cụ thể:

+ Ban Dân tộc là cơ quan thường trực, chủ trì tham mưu quản lý Chương trình; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổng hợp, đề xuất phương án phân bổ vốn Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hàng năm gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh phân bổ vốn; tổng hợp báo cáo định kỳ và đột xuất Chương trình; chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, nước sinh hoạt, đất ở, đất sản xuất, đào tạo cán bộ quản lý chương trình, tiếng dân tộc, hỗ trợ sản xuất theo chuỗi giá trị... và được giao



kinh phí thực hiện dự án 3,5,9,10;

+ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì tiêu dự án lĩnh vực nông, lâm nghiệp (tiêu dự án 1 - dự án 3);

+ Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì tiêu dự án lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và việc làm (tiêu dự án 3 - dự án 5);

+ Sở Y tế chủ trì dự án dự án lĩnh vực y tế (dự án 7);

+ Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì tiêu dự án lĩnh vực giáo dục, đào tạo (tiêu dự án 1 - dự án 5);

+ Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch chủ trì dự án lĩnh vực văn hóa (dự án 6);

+ Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh chủ trì dự án lĩnh vực phụ nữ, bình đẳng giới (dự án 8).

## **B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH**

### **I. BAN DÂN TỘC**

#### **1. Công tác quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện Chương trình**

- Ban dân tộc đã tham mưu UBND tỉnh thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình và chỉ đạo UBND cấp huyện thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình, cụ thể:

+ Cấp tỉnh: Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã được thành lập, kiện toàn, trong đó: Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban chỉ đạo, 02 Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Phó Ban chỉ đạo và các Ủy viên Ban chỉ đạo là Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố. Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh đã ban hành Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho các thành viên, công tác phối hợp giữa các đơn vị, địa phương.

+ UBND cấp huyện và cấp xã đã thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia.

- Ban Dân tộc đã tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành các nghị quyết, ban hành các quyết định theo thẩm quyền, các cơ chế chính sách liên quan đến Chương trình.

#### **2. Công tác phân bổ vốn và giải ngân**

- Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình. Ban Dân tộc đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số

03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022.

- Trên cơ sở Thông báo nguồn vốn của Trung ương, Ban Dân tộc lấy ý kiến các sở, ngành, UBND cấp huyện về kế hoạch, dự kiến phương án phân vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phân bổ vốn cho các đơn vị theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn quy định tại các Nghị quyết: số 03/2022/NQ-HĐND ngày 16/6/2022, số 08/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Kết quả phân bổ và giải ngân vốn thực hiện Chương trình năm 2022 và năm 2023 như sau:

- Tổng dự toán giao: 774.159,6 triệu đồng (vốn đầu tư: 376.652,7 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 397.506,9 triệu đồng):

+ Năm 2022: 282.079,9 triệu đồng (vốn đầu tư: 162.379 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 119.700,9 triệu đồng).

+ Năm 2023: 492.079,7 triệu đồng (vốn đầu tư: 214.273,7 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 277.806 triệu đồng).

- Tổng kinh phí đề nghị quyết toán: 484.462,7 triệu đồng/774.159,6 triệu đồng bằng 62,6% so với dự toán (vốn đầu tư: 339.161,6 triệu đồng/376.652,7 triệu đồng bằng 90% so với dự toán, vốn sự nghiệp: 145.301,1 triệu đồng/397.506,9 triệu đồng bằng 36,5% so với dự toán):

+ Năm 2022: 142.980,9 triệu đồng (vốn đầu tư: 111.934,3 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 31.046,6 triệu đồng).

+ Năm 2023: 341.481,9 triệu đồng (vốn đầu tư: 227.227,4 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 114.254,5 triệu đồng).

- Kinh phí nộp trả ngân sách nhà nước: 63.280,4 triệu đồng (Năm 2022: 9.219,4 triệu đồng; năm 2023: 54.061 triệu đồng).

- Kinh phí chuyển nguồn sang năm 2024: 226.416 triệu đồng (vốn đầu tư: 33.376,4 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 193.039,6 triệu đồng).

- Việc bố trí kinh phí thực hiện đối ứng năm 2023: ngân sách tỉnh và ngân sách huyện bố trí vốn đối ứng đảm bảo theo quy định (năm 2022, Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành V đã kiểm tra, đánh giá).

Việc phân bổ vốn đã căn cứ vào nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn, nhưng không có dự toán chi tiết từng nội dung và nhiệm vụ cụ thể để lập nhu cầu vốn; Tỷ lệ giải ngân vốn đạt tỷ lệ thấp, trong 2 năm đạt 62,57 % so với dự toán (484.462,7 triệu đồng/774.159,6 triệu đồng), riêng năm 2023 đạt 54,9% so với dự toán (341.491,9 triệu đồng/621.958,9 triệu đồng), cụ thể:

- Dự án 1: Tỷ lệ giải ngân đạt 60,13% so với dự toán (63.437,4 triệu

đồng/105.495,4 triệu đồng), trong đó nội dung số 3 - chi hỗ trợ đất sản xuất, chuyển đổi nghề (7.710 triệu đồng) chưa thực hiện;

- Dự án 3: Tỷ lệ giải ngân đạt 11,62% so với dự toán (15.254,4 triệu đồng/131.183 triệu đồng), trong đó: huyện Phú Lương, huyện Đồng Hỷ chưa thực hiện tiểu dự án 1 (hỗ trợ khoanh nuôi bảo vệ rừng); huyện Định Hóa, huyện Phú Lương và Ban Dân tộc tỉnh chưa thực hiện tiểu dự án 2 (hỗ trợ phát triển theo chuỗi giá trị);

- Dự án 5: Tỷ lệ giải ngân đạt 55,64% so với dự toán (93.948,7 triệu đồng/168.838,2 triệu đồng).

Nguyên nhân, khó khăn vướng mắc ảnh hưởng đến kết quả giải ngân nguồn vốn thực hiện Chương trình, như sau:

- Nguyên nhân, vướng mắc chung:

+ Chương trình ưu tiên nguồn lực đầu tư, hỗ trợ cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, các xã ATK chưa hoàn thành chương trình 135, chưa về đích nông thôn mới và trực tiếp là các hộ nghèo, cận nghèo. Những năm qua, tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giảm nhanh (Thời điểm 01/01/2022: Tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số là 9,72%; đến cuối năm 2023 giảm còn 4,62%); các xã đặc biệt khó khăn về đích nông thôn mới thuộc đối tượng thụ hưởng xã khu vực I theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ (từ năm 2021 đến nay giảm 07 xã đặc biệt khó khăn). Nguồn vốn Trung ương cấp ổn định cho cả giai đoạn, nhiều nội dung được cấp vốn nhưng đối tượng giảm dần đến tỷ lệ giải ngân nguồn vốn nhiều nội dung không cao (nhất là vốn sự nghiệp).

+ Hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình còn nhiều bất cập, chưa đầy đủ phải sửa đổi, bổ sung nhiều: Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn; Thông tư số 02/2023/TT-UBDT ngày 21/8/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBDT ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 quy định về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình; Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023.

+ Văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương có nội dung chưa thống nhất, chưa rõ ràng nên khó khăn cho việc phân bổ vốn chi tiết đến từng tiểu dự án, nội dung, nhiệm vụ của Chương trình; chưa thực sự phân cấp, phân quyền cho các sở, ngành, địa phương dẫn đến làm giảm tính chủ động trong việc phân bổ

vốn và tổ chức triển khai thực hiện.

+ Nhiều nội dung Trung ương phân bổ vốn vượt quá nhu cầu của tỉnh nhưng không được điều chuyển vốn giữa các nội dung cho phù hợp với nhu cầu thực tế (vốn giao thực hiện tiểu dự án 1- dự án 3; tiểu dự án 2, 3, 4 - dự án 5; dự án 8; tiểu dự án 1 - dự án 9...). Ngày 18/01/2024, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 111/2024/NQ-QH về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó cho phép địa phương điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước từ dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ hoặc không đủ điều kiện để giải ngân theo quy định hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp để bổ sung dự toán cho các dự án thành phần khác trong cùng Chương trình.

+ Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình còn chưa được thường xuyên.

- Nguyên nhân, vướng mắc cụ thể:

+ Dự án 1: Ủy ban Dân tộc chậm ban hành định mức đất sản xuất làm căn cứ xác định hộ thiếu đất sản xuất (Ngày 21/8/2023, Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư số 02/2023/TT-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình). Ngày 14/11/2023, UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND quy định định mức đất sản xuất làm cơ sở xác định hộ gia đình thiếu đất sản xuất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Các xã thuộc Chương trình không có quỹ đất công để cải tạo, khai hoang, tạo mặt bằng để hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho đối tượng thụ hưởng; điều kiện được hỗ trợ nhà ở phải có đất ở nhưng nhiều hộ thuộc đối tượng được hỗ trợ chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đủ điều kiện hỗ trợ, mặt khác định mức hỗ trợ nhà ở thấp (46 triệu đồng/hộ).

+ Dự án 3:

Năm 2022, kinh phí thực hiện Tiểu dự án 1 (khoản bảo vệ rừng) giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhưng không thực hiện được do văn bản không thống nhất (Thông tư số 12/2022/TT-BNNPTNT ngày 20/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số hoạt động về lâm nghiệp thực hiện Chương trình không có đối tượng rừng được Nhà nước giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng so với Quyết định số 1719/QĐ-TTg). Ngày 21/8/2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định điều chỉnh kinh phí thực hiện cho cấp huyện triển khai thực hiện.

Tiểu dự án 2 (phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị) do số hộ nghèo, cận nghèo giảm; lao động của hộ nghèo, cận nghèo khi đã tham gia 1 trong 2 chương trình MTQG (giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới) thì không đủ điều kiện để tham gia các dự án liên kết của Chương trình nên đối tượng thực hiện giảm.

+ Dự án 5:

Tiểu dự án 2: Trung ương giao vốn vượt quá nhu cầu (kinh phí giao cho nội

dung đào tạo dự bị đại học và sau đại học không có đối tượng thực hiện) và chậm ban hành văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung dẫn đến tỷ lệ giải ngân đạt thấp (ngày 21/8/2023, Ủy ban Dân tộc ban hành Thông tư số 02/2023/TT-UBND sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND, ngày 30/6/2022, trong đó sửa đổi bổ sung các quy định liên quan đến thực hiện Tiểu dự án 2).

Tiểu dự án 3: Việc xác định cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên được quy định tại Luật Giáo dục nghề nghiệp và Luật Giáo dục chưa thống nhất về khái niệm dẫn đến không giải ngân được nguồn vốn tại các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên; Đối tượng và nội dung hỗ trợ trong công tác đào tạo nghề trùng với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

Tiểu dự án 4: Trung ương chậm ban hành tài liệu đào tạo, tập huấn cho cộng đồng và cán bộ triển khai thực hiện Chương trình (ngày 8/12/2023, Ủy ban dân tộc phê duyệt ban hành tài liệu 16 chuyên đề/37 chuyên đề theo khung chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng).

+ Dự án 8: Một số nội dung trong các văn bản hướng dẫn của Trung ương chưa cụ thể, khó khăn cho việc triển khai thực hiện Dự án; quy định các mục chi, định mức chi trong Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính chưa cụ thể, rõ ràng, một số định mức chi còn thấp so với yêu cầu triển khai và duy trì các mô hình của Dự án.

+ Tiểu dự án 1- dự án 9: Vốn năm 2022, 2023 đã phân bổ cho các địa phương, tuy nhiên Trung ương có văn bản dừng tổ chức triển khai thực hiện.

### **3. Công tác theo dõi, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình**

- Ban Dân tộc tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 30/8/2022 về tổ chức giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; ban hành Hướng dẫn số 747/HD-BDT ngày 12/9/2022 hướng dẫn triển khai thực hiện Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Về công tác kiểm tra, giám sát đánh giá Chương trình:

+ Ban Dân tộc ban hành Kế hoạch số 1226/KH-BDT ngày 06/10/2023 về kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình. Song, chưa tổ chức các đoàn kiểm tra theo Kế hoạch.

+ Năm 2023, Ban tổ chức 01 cuộc kiểm tra, nắm tình hình triển khai Chương trình đối với 08 huyện, thành phố: Định Hóa, Phú Lương, Đại Từ, Võ Nhai, Đông Hỷ, Phổ Yên, Phú Bình, Thái Nguyên; hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

- Về công tác thông tin báo cáo Chương trình: Ban Dân tộc có Công văn số 1247/BDT-TTra ngày 09/10/2023 về việc đôn đốc thực hiện chế độ thông tin, báo

cáo theo Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc và triển khai thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình. Tuy nhiên, chỉ có 03 đơn vị có báo cáo kết quả theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Đại Từ, UBND huyện Định Hóa.

#### **4. Việc chấp hành pháp luật trong quản lý và sử dụng kinh phí được giao thực hiện dự án 3, 5, 9, 10**

- Ban Dân tộc được giao kinh phí để thực hiện các nội dung: Dự án 3 (Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị); Dự án 5 (Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp); Dự án 9 (Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi); Dự án 10 (Biểu dương tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số; Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình).

- Năm 2022, đơn vị đã được Kiểm toán nhà nước chuyên ngành V kiểm tra. Do vậy, không tiến hành thanh tra.

- Năm 2023:

+ Tổng kinh phí được sử dụng: 83.230.736.124 đồng.

+ Tổng kinh phí đã quyết toán: 5.869.342.467 đồng.

+ Số kinh phí được phép chuyển nguồn sang năm 2024: 77.361.393.657 đồng.

##### **4.1. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị**

- Kinh phí được giao: 41.681.000.000 đồng.

- Số kinh phí đã quyết toán 53.357.400 đồng (Chi họp hội đồng thẩm định và chi làm thêm giờ); số kinh phí chuyển nguồn sang năm 2024 là 41.627.642.600 đồng.

##### **4.2. Dự án 5: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp**

Tổng kinh phí được giao là 29.212.000.000 đồng, số kinh phí đã quyết toán là 2.540.200.000 đồng, số kinh phí chuyển nguồn sang năm 2024 là 26.671.800.000 đồng.

- Nội dung số 1 - Tiểu dự án 2 (Bồi dưỡng kiến thức dân tộc): Chi tổ chức 3 lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức dân tộc cho đối tượng 3 và đối tượng 4 với số tiền là 580.075.000 đồng.

- Tiểu dự án 4 (Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp): Chi tổ chức 14 lớp tập huấn (02 lớp chuyên đề nghiệp vụ đấu thầu qua mạng; 02 lớp nghiệp vụ đấu thầu cơ bản; 02 lớp nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng công trình cơ sở hạ tầng; 08 lớp tập huấn các chuyên đề địa

phương: 02 lớp chuyên đề định hướng và giải pháp phát triển bền vững; 02 lớp chuyên đề kỹ năng phát triển sản xuất gắn với giảm nghèo kết hợp với mô hình du lịch sinh thái; 02 lớp chuyên đề liên kết sản xuất gắn với duy trì bản sắc văn hoá và phát triển du lịch nông thôn ở vùng dân tộc thiểu số) với số tiền là 1.601.910.000 đồng; Chi tổ chức 01 đoàn đi học tập kinh nghiệm với số tiền là 358.200.000 đồng. Song, còn có tồn tại hạn chế sau:

+ Các lớp tập huấn chuyên đề địa phương có 12 học viên của huyện Đồng Hỷ không phải là “người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thái Nguyên” theo thành phần tại các Quyết định tổ chức lớp của Ban Dân tộc: số 1539/QĐ-BDT ngày 17/11/2023; số 1540/QĐ-BDT ngày 17/11/2023; số 1541/QĐ-BDT ngày 17/11/2023; số 1542/QĐ-BDT ngày 17/11/2023.

Theo giải trình của đơn vị: UBND huyện Đồng Hỷ cử đối tượng là Trưởng thôn, xóm; Bí thư chi bộ, Trưởng các đoàn thể xóm không phải là người có uy tín nhưng thuộc đối tượng của Chương trình, tập huấn để về tổ chức, chỉ đạo thực hiện Chương trình. Đơn vị đã cung cấp xác nhận của UBND huyện Đồng Hỷ về thành phần là Trưởng thôn, xóm; Bí thư chi bộ, Trưởng các đoàn thể xóm.

+ Tập huấn Chuyên đề nghiệp vụ đấu thầu: 2 lớp tập huấn Chuyên đề nghiệp vụ đấu thầu qua mạng, thời gian 4 ngày/lớp; 2 lớp tập huấn Chuyên đề nghiệp vụ đấu thầu cơ bản, thời gian 4 ngày/lớp. Song, việc chi tổ chức các lớp tập huấn không phù hợp về thời lượng thực hiện (ngày) theo khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ban hành kèm theo Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của Ủy ban Dân tộc (theo khung chương trình “*Nghiệp vụ Đấu thầu cơ bản, Đấu thầu cộng đồng. Đấu thầu qua mạng*” thời gian là 3 đến 4 ngày).

Theo ý kiến giải trình của đơn vị: Khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của Ủy ban Dân tộc không rõ ràng (*Tên chuyên đề: Nghiệp vụ Đấu thầu cơ bản, Đấu thầu cộng đồng. Đấu thầu qua mạng*) nên hiểu là 02 chuyên đề, khi tổ chức tập huấn chia thành 02 chuyên đề (01 chuyên đề đấu thầu qua mạng, 01 chuyên đề đấu thầu cơ bản), mỗi chuyên đề 04 ngày để cấp chứng chỉ cho học viên.

**4.3. Dự án 9: tiểu dự án 2:** Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Số kinh phí được giao là 1.627.765.000 đồng, số kinh phí đã quyết toán là 158.189.000 đồng, số kinh phí chuyển nguồn sang năm 2024 là 1.469.576.000 đồng. Hồ sơ quyết toán đảm bảo về đối tượng, chế độ định mức theo quy định.

#### **4.4. Dự án 10**

Số kinh phí được giao là 10.649.977.000 đồng, số kinh phí quyết toán là 3.233.611.067 đồng, số kinh phí chuyển nguồn sang năm 2024 là 7.416.365.933 đồng, gồm:

- *Tiểu dự án 1*: Chi phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền vận động với số tiền là 2.410.656.050 đồng.

- *Tiểu dự án 2*: Chi ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự với số tiền là 116.000.000 đồng.

- *Tiểu dự án 3*: Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện chương trình với số tiền là 706.955.017 đồng.

Chi làm thêm giờ là 198.353.394 đồng, trong đó chi cho cán bộ tổng hợp danh sách đại biểu dự hội nghị phổ biến giáo dục pháp luật năm 2023 số tiền là 12.857.515 đồng không có trong Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: 2021-2025.

Theo ý kiến giải trình của đơn vị: Trong năm đơn vị có tổ chức hội nghị phổ biến giáo dục pháp luật nhưng không thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và xác nhận là chi sai nguồn.

## **II. SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

### **1. Công tác lập và phân bổ dự toán**

Căn cứ Quyết định giao kế hoạch vốn của UBND tỉnh và Kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình, Sở triển khai đến các đơn vị trực thuộc để đăng ký nhu cầu kinh phí và lập dự toán gửi Sở Tài chính thẩm định, Sở giao dự toán kinh phí cho các đơn vị trực thuộc theo Thông báo phân bổ dự toán của Sở Tài chính.

- Tổng dự toán được giao: 42.257.000.000 đồng:
  - + Năm 2022: 13.407.000.000 đồng.
  - + Năm 2023: 28.850.000.000 đồng.
- Tổng kinh phí quyết toán: 14.404.400.000 đồng
  - + Năm 2022: 4.482.500.000 đồng.
  - + Năm 2023: 9.921.900.000 đồng.
- Kinh phí nộp trả ngân sách nhà nước: 1.691.300.000 đồng (Năm 2022: 28.500.000 đồng; Năm 2023: 1.662.800.000 đồng).
- Kinh phí chuyển nguồn sang năm 2024 là 26.161.300.000 đồng.

Kiểm tra hồ sơ xác định:

- Sở chưa triển khai đến các đơn vị trực thuộc lập dự toán chi tiết các nhiệm vụ để lập nhu cầu vốn trước khi được UBND tỉnh giao vốn.

- Giao dự toán cho các đơn vị không có dự toán chi tiết từng nhiệm vụ chi; chưa rà soát các nhiệm vụ, Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững do Sở thực hiện để xác định khả năng thực hiện và nhu cầu vốn dẫn đến tỷ lệ giải ngân thấp

do có trùng lặp về nội dung, đối tượng với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các Chương trình dự án khác; giao toán chưa căn cứ vào khả năng tổ chức thực hiện của các đơn vị trực thuộc, cụ thể:

+ Theo báo cáo của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Hợp tác và phát triển nguồn nhân lực Thái Nguyên: Kinh phí giao đào tạo nghề năm 2023 là 8.050.000.000 đồng, Trung tâm có 8 giáo viên dạy nghề (4 giáo viên lý thuyết, 4 giáo viên thực hành), theo quy định được đào tạo không quá 8 lớp/năm và 20 lớp đào tạo thường xuyên dưới 3 tháng với quy mô khoảng 1.000 học viên. Kinh phí được giao tương đương 77 lớp với 2.700 học viên, vượt quá khả năng thực hiện của Trung tâm.

+ Theo báo cáo của Trường Trung cấp dân tộc nội trú: Số lượng giáo viên cơ hữu là 46 giáo viên (chỉ đào tạo được 34 lớp trung cấp và 11 lớp sơ cấp), theo số kinh phí được giao năm 2023 thì Trường phải đào tạo 21 lớp sơ cấp, vượt khả năng đào tạo là 10 lớp.

+ Theo báo cáo của Trung tâm Dịch vụ việc làm, quá trình triển khai thực hiện còn có sự trùng lặp về nội dung, chương trình, đối tượng thụ hưởng và nhiệm vụ thực hiện thuộc các Chương trình MTQG khác tại các địa phương và đơn vị trên địa bàn tỉnh, dẫn đến nhiều nội dung không thực hiện được, như: Kế hoạch tổ chức Ngày hội việc làm cấp huyện thực hiện vào Quý IV năm 2023 nhưng tại các địa phương đã tổ chức Ngày hội việc làm cấp huyện theo Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28/7/2022 của Bộ Tài chính, đối tượng bao gồm người lao động là người dân tộc thiểu số.

## **2. Việc chấp hành pháp luật trong quản lý, sử dụng kinh phí**

### **2.1. Văn phòng Sở**

- Năm 2022, đơn vị đã được Kiểm toán nhà nước khu vực X kiểm tra. Do vậy, không tiến hành thanh tra.

- Năm 2023, được giao kinh phí để thực hiện Tiểu dự án 3 - Dự án 5: Phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Tiểu dự án 3 - Dự án 10: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

+ Kinh phí được sử dụng trong năm 2023: 15.684.959.880 đồng (trong đó, dự toán chi tiết cho 13 nhiệm vụ là 10.886.500.000 đồng, số kinh phí chưa lập dự toán chi tiết là 4.978.459.880 đồng).

+ Kinh phí đã sử dụng: 1.866.847.432 đồng.

+ Kinh phí chuyển nguồn sang năm 2024: 13.818.112.480 đồng.

Kiểm tra hồ sơ xác định còn có một số tồn tại hạn chế:

- Chi tổ chức hội thi tìm hiểu Thế giới nghề nghiệp - Nâng cao kỹ năng nghề cho người lao động trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên: Hội thi nấu ăn và hội thi chế biến chè, số tiền quyết toán là 378.782.829 đồng vượt dự toán do Sở phê duyệt (chi từ nguồn kinh phí được giao nhưng chưa lập dự toán chi tiết), chi không đúng đối tượng được hỗ trợ của Chương trình số tiền là 10.800.000 đồng, cụ thể:

+ Theo dự toán thực hiện Chương trình năm 2023 do Phòng Giáo dục nghề nghiệp lập được Giám đốc Sở phê duyệt ngày 11/6/2023: Nội dung dự toán chi tổ chức truyền thông về giáo dục nghề nghiệp; hội thi tìm hiểu thế giới nghề nghiệp là 400.000.000 đồng, Sở đã sử dụng chi tổ chức truyền thông về giáo dục nghề nghiệp.

+ Chi hỗ trợ tiền ăn cho thí sinh không phải là người dân tộc thiểu số, người kinh không thuộc hộ nghèo, cận nghèo sinh sống tại địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi không đúng đối tượng được hỗ trợ của Chương trình số tiền là 10.800.000 đồng.

- Chi tập huấn giảng viên nguồn đào tạo kỹ năng mềm cho công chức, viên chức của Sở và các đơn vị trực thuộc, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện với số tiền là 18.720.000 đồng, trong đó: chi tổ chức ăn tập trung cho 19 người với số tiền là 11.115.000 đồng không đủ điều kiện thanh toán phụ cấp lưu trú (quãng đường từ cơ quan đến nơi tập huấn <15km) theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính.

## **2.2. Trung tâm Dịch vụ việc làm**

- Năm 2022, đơn vị đã được Kiểm toán nhà nước khu vực X kiểm tra. Do vậy, không tiến hành thanh tra.

- Năm 2023:

+ Kinh phí được được sử dụng: 3.000.000.000 đồng.

+ Kinh phí đã sử dụng: 1.337.207.582 đồng.

+ Kinh phí chuyển nguồn sang năm 2024: 1.662.792.418 đồng.

- Trung tâm đã xây dựng kế hoạch hoạt động, phân công nhiệm vụ cụ thể theo từng nhiệm vụ và chi cho các nội dung: Cung cấp thông tin thị trường lao động, dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm, kết nối việc làm cho lao động; tuyên truyền, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề, việc làm và các dịch vụ hỗ trợ việc làm, đi làm việc ở nước ngoài; xây dựng các phóng sự tuyên truyền về công tác tư vấn giới thiệu việc làm, hướng nghiệp, khởi nghiệp, học nghề và các dịch vụ hỗ trợ việc làm; xây dựng các video phóng sự tài liệu các hoạt động Tuần cao điểm kết nối cung - cầu lao động... Các nội dung chi thực hiện theo dự toán được giao, đúng đối tượng, định mức chi và kế hoạch thực hiện Chương trình.

Theo báo cáo của Trung tâm, trong quá trình triển khai thực hiện còn có sự trùng lặp về nội dung, đối tượng thụ hưởng và nhiệm vụ với các Chương trình mục tiêu quốc gia khác dẫn đến nhiều nội dung không thực hiện được, như: Kế hoạch



Tổ chức Ngày hội việc làm cấp tỉnh, Ngày hội việc làm cấp huyện, Ngày hội tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp cho học sinh miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, thực hiện vào Quý IV năm 2023 nhưng tại các địa phương đã tổ chức Ngày hội việc làm cấp huyện theo Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 46/2022/TT-BTC, đối tượng bao gồm người lao động là người dân tộc thiểu số.

### **2.3. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Hợp tác và phát triển nguồn nhân lực**

Kinh phí được giao và sử dụng:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
- Kinh phí năm trước chuyển sang		5.050.000.000
- Kinh phí được giao	7.061.000.000	8.011.000.000
- Kinh phí đã sử dụng, quyết toán	0	2.956.937.492
- Kinh phí được chuyển sang năm sau	5.050.000.000	10.104.062.508
- Kinh phí huỷ tại kho bạc	2.011.000.000	0

- Năm 2023, chi cho công tác đào tạo nghề và công tác tuyên truyền hướng nghiệp và khởi nghiệp là 2.956.937.492 đạt tỷ lệ 22,6% so với dự toán được giao: Đào tạo 12 lớp học nghề (03 lớp sơ cấp, 09 lớp đào tạo thường xuyên dưới 03 tháng), số tiền: 1.625.016.450 đồng; Tham gia Tuần kết nối Cung cầu - Lao động năm 2023 và tổ chức 80 hội nghị tuyên truyền hướng nghiệp, khởi nghiệp cho học sinh, sinh viên, người lao động, số tiền: 1.331.921.042 đồng. Các nội dung chi thực hiện theo dự toán được giao, đúng đối tượng, định mức chi và kế hoạch thực hiện Chương trình.

Theo báo cáo của đơn vị về tỷ lệ giải ngân thấp:

- Nguồn kinh phí cấp cho sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cho cơ sở đào tạo là 5.050.000.000 đồng nhưng không thực hiện được với lý do:

+ Theo quy định tại khoản 12 Điều 23 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp: “*Hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình, nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và các công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho học sinh, sinh viên; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi*” Trung tâm không thuộc đối tượng được đầu tư do có trụ sở không thuộc địa bàn các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I được quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 06/9/2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội

dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiêu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 Chương trình quy định “*Hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình, nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và các công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho học sinh, sinh viên; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025*” thì Trung tâm thuộc đối tượng được thực hiện mua sắm máy móc, trang thiết bị đào tạo. Tuy nhiên, văn bản chưa rõ ràng và còn có nhiều quan điểm khác nhau nên Trung tâm chưa triển khai thực hiện năm 2022.

+ Ngày 31/5/2023, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư số 03/2023/TT-BLĐTBXH sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH, tại khoản 6 Điều 1 sửa đổi khoản 1 Điều 30 “*Hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng một số hạng mục công trình, nhà xưởng, phòng học, ký túc xá và các công trình phục vụ sinh hoạt, tập luyện cho học sinh, sinh viên; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*”, Trung tâm không thuộc đối tượng được chi mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ đào tạo từ nguồn kinh phí thuộc Chương trình.

- Về kinh phí đào tạo nghề:

+ Kinh phí được cấp đào tạo nghề là 8.050.000.000 đồng (trong đó số chuyển nguồn từ năm 2022 sang năm 2023: 5.050.000.000 đồng; số cấp trong năm 2023: 3.000.000.000 đồng), Trung tâm có 8 giáo viên dạy nghề (4 giáo viên lý thuyết, 4 giáo viên thực hành), theo quy định được đào tạo không quá 8 lớp sơ cấp/năm và 20 lớp đào tạo thường xuyên dưới 3 tháng quy mô khoảng 1.000 học viên. Kinh phí của Sở giao cho Trung tâm tương đương 77 lớp với 2.700 học viên, vượt quá khả năng của Trung tâm.

#### 2.4. Trường Trung cấp dân tộc nội trú

Kinh phí được giao và sử dụng:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
- Kinh phí năm trước chuyển sang	0	0
- Kinh phí được giao trong năm	3.737.000.000	6.000.000.000
- Kinh phí đã sử dụng, quyết toán	3.714.506.890	3.760.953.917
- Kinh phí được chuyển sang năm sau	0	2.239.046.083
- Trả lại ngân sách Nhà nước	22.493.110	0

- Năm 2022 chỉ cho các nhiệm vụ: Đào tạo trình độ sơ cấp (16 lớp):

2.303.980.000 đồng; đào tạo trình độ trung cấp (02 lớp): 109.769.850 đồng; tổ chức cho 07 lớp đi tham quan, hướng nghiệp, gắn kết giữa doanh nghiệp với học sinh, sinh viên trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 56.100.000 đồng; chỉnh sửa 10 giáo trình sơ cấp: 331.910.000 đồng; chỉnh sửa 02 giáo trình trung cấp: 543.380.000 đồng; sửa chữa nhà xe: 97.386.840 đồng; đào tạo bồi dưỡng giáo viên (02 lớp): 132.771.800 đồng; xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật: 139.208.400 đồng.

- Năm 2023 chi cho các nhiệm vụ: Đào tạo trình độ sơ cấp (13 lớp): 1.958.073.967 đồng; đào tạo trình độ trung cấp (02 lớp): 328.382.650 đồng; tổ chức cho 04 lớp đi tham quan, hướng nghiệp, gắn kết giữa doanh nghiệp với học sinh, sinh viên trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp: 28.000.000 đồng; chỉnh sửa 04 giáo trình sơ cấp: 160.368.800 đồng; chỉnh sửa 05 giáo trình trung cấp: 1.286.128.500 đồng.

- Về đào tạo các lớp trình độ sơ cấp:

+ Đối tượng học viên đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; các khoản chi cho học viên được thực hiện theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đạo tạo dưới 03 tháng.

+ Chi tiền giảng dạy các lớp sơ cấp năm 2022: Trường thực hiện ký hợp đồng với 14 giáo viên cơ hữu thuộc các Khoa của Trường để thực hiện giảng dạy với số tiền là 293.280.000 đồng không đúng theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội: "*Viên chức các phòng chuyên môn, nghiệp vụ khác đủ tiêu chuẩn để tham gia giảng dạy thì căn cứ vào khối lượng công việc, nhiệm vụ được giao, Hiệu trưởng, giám đốc cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp có thể ký hợp đồng giảng dạy nếu có nhu cầu*". Theo quy định thì 14 trường hợp trên chỉ được thanh toán tiền vượt thêm giờ (nếu có) theo khoản 1 Điều 9 Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017.

Theo giải trình của đơn vị: Trường vận dụng ký hợp đồng để chi trả tiền làm thêm giờ cho giáo viên. Sau khi rà soát lại danh sách chi làm thêm giờ xác định có 11/14 giáo viên vượt định mức theo quy định là 2.091 giờ (theo quy định: định mức giáo viên làm thêm giờ trong năm không quá 300 giờ) với số tiền là 135.915.000 triệu đồng.

- Về đào tạo các lớp trình độ trung cấp: Đối tượng, trình tự thủ tục thực hiện theo Điều 22, Điều 23 Thông tư số 17/2022/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số nội dung về giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động tại các tiểu dự án và nội dung thành phần thuộc 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

- Về hồ sơ chỉnh sửa chương trình, giáo trình đào tạo nghề:

+ Hồ sơ thanh toán thực hiện theo quy trình chỉnh sửa chương trình, giáo trình quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015, được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018; Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

+ Các khoản chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính về chỉnh sửa giáo trình.

Kiểm tra hồ sơ, tài liệu chỉnh sửa chương trình, giáo trình và nội dung giải trình tại Văn bản số 600/TCĐTNT-TCHC ngày 03/12/2024 của Trường Trung cấp dân tộc nội trú tỉnh: Trước năm 2022, không có kinh phí để thực hiện biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo. Giáo trình giảng dạy do giáo viên tham khảo giáo trình đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp khác và tự biên soạn để giảng dạy, do đó không có chương trình, giáo trình gốc để làm căn cứ chỉnh sửa. Năm 2022, 2023 có kinh phí, Trường đã tổ chức biên soạn chương trình, giáo trình. Do định mức chi biên soạn tài liệu giảng dạy rất lớn, để giảm tối đa kinh phí thực hiện nên Trường đã vận dụng định mức chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình theo khoản 1, 2 Điều 22 đối với giáo trình sơ cấp; khoản 7 Điều 23 đối với giáo trình trung cấp của Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính.

- Chi tổ chức tham quan, hướng nghiệp, gắn kết giữa doanh nghiệp với học sinh, sinh viên trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2022, 2023: Các khoản chi được thực hiện theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 của Bộ Tài chính.

- Chi xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật: Hồ sơ thanh toán có đầy đủ chứng từ theo quy trình xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật đào tạo tại Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022; Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/10/2020 của Bộ Lao động Thương Binh và Xã hội quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp. Các khoản chi thực hiện theo Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04/03/2022 của Bộ Tài chính.

### III. SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Kinh phí được giao và sử dụng:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
- Kinh phí năm trước chuyển sang		12.197.000.000
- Kinh phí được giao	49.890.000.000	22.738.000.000

- Kinh phí đã sử dụng, quyết toán	2.758.000.000	19.943.000.000
- Kinh phí được chuyển sang năm sau	12.197.000.000	14.992.000.000

### 1. Chi thực hiện các nhiệm vụ từ nguồn vốn sự nghiệp

*Đơn vị tính: đồng*

Stt	Nhiệm vụ	Dự toán	Quyết toán	Dư dự toán
1	Nhiệm vụ số 02	1.000.000.000	975.704.000	24.296.000
2	Nhiệm vụ số 06	500.000.000	493.962.000	6.038.000
3	Nhiệm vụ số 13	1.200.000.000	1.196.487.950	3.512.050
4	Nhiệm vụ số 18	4.867.000.000	4.820.351.000	46.649.000
	<b>Tổng</b>	<b>7.567.000.000</b>	<b>7.486.504.950</b>	<b>80.495.050</b>

**1.1. Nhiệm vụ số 02:** Chi khảo sát, kiểm kê, sưu tầm và tư liệu hoá di sản văn hoá truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số 03 điểm di sản năm 2023: Diệu hát ru của người Nùng Phàn Slinh tại xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ; Lễ tơ hồng của người Dao Lô Gang tại xã Phương Giao, huyện Võ Nhai; Lễ Cầu an của người Tày tại xã Nghinh Tường, huyện Võ Nhai.

- Đối tượng và nội dung thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Mục II Hướng dẫn số 1684/HD-BVHTTDL ngày 28/4/2023 của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch.

- Dự toán lập theo định mức chi quy định tại Điều 32 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

- Về công tác lựa chọn nhà thầu: Thực hiện lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn. Song, việc công khai kết quả lựa chọn nhà thầu chậm 21 ngày theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư: “*đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*”.

- Hồ sơ, tài liệu, chứng từ thanh toán, quyết toán đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

**1.2. Nhiệm vụ số 06:** Chi hỗ trợ chương trình nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn, phát triển văn hoá phi vật thể các dân tộc thiểu số (nghiên cứu, bảo tồn, phục dựng, phát huy trình diễn nghệ thuật Khèn trong lễ hội Gầu Tào của đồng bào dân tộc Mông trên địa bàn huyện Phú Lương) với số tiền là 493.962.000 đồng.

- Đối tượng và nội dung thực hiện đúng quy định tại khoản 2 Mục II Hướng dẫn số 1684/HD-BVHTTDL ngày 28/4/2023 của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch.

- Dự toán lập theo định mức chi quy định tại Điều 32 Thông tư số

55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

- Về công tác lựa chọn nhà thầu: Thực hiện lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng theo quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn. Song, việc công khai kết quả lựa chọn nhà thầu chậm 31 ngày theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Hồ sơ, tài liệu, chứng từ thanh toán, quyết toán đầy đủ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

**1.3. Nhiệm vụ số 13:** Chi tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số: Giải thể thao Đẩy gậy, Kéo co, Bắn nỏ tại huyện Đại Từ; giải thể thao Đẩy gậy, Kéo co, Cà kheo tại huyện Phú Lương; giải thể thao Đẩy gậy, Kéo co tỉnh Thái Nguyên; giải thể thao Tung còn, Bắn nỏ tỉnh Thái Nguyên với số tiền là 1.196.487.950 đồng.

- Về đối tượng và nội dung thực hiện theo Hướng dẫn số 1684/HD-BVHTTDL ngày 28/4/2023 của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch.

- Về dự toán:

+ Số lượng trọng tài giải Đẩy gậy, Kéo co cấp tỉnh là 31 người, vượt 07 người so với quy định tại khoản 4 Điều 10 Quyết định số 596/QĐ-BVHTTDL ngày 27/02/2020 của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch (tối đa là 24 người), số tiền là 10.710.000 đồng.

+ Cờ giải thưởng nhiều hơn số lượng cơ cấu giải thưởng theo Điều lệ giải là 16 chiếc với số tiền là 1.440.000 đồng, cụ thể: (1) Giải thể thao huyện Đại Từ: Dự toán 57 chiếc/45 giải, thừa là 12 chiếc với số tiền là 1.080.000 đồng; (2) Giải thể thao huyện Phú Lương: Dự toán 68 chiếc/64 giải, thừa 04 chiếc với số tiền là 360.000 đồng.

- Về chấp hành dự toán, định mức chi: Hồ sơ chứng từ thanh toán đầy đủ theo quy định. Song, còn một số nội dung chi không đúng với tổng số tiền là 13.275.000 đồng, gồm:

+ Giải thể thao huyện Đại Từ: Quyết toán chi thuê bàn ghế tăng so với dự toán là 2.655.000 đồng từ số dư dự toán chi làm biển tên đoàn (2.800.000 đồng).

+ Chi mua cờ giải nhiều hơn số giải thưởng 16 chiếc với số tiền là 1.440.000 đồng; chi hỗ trợ tiền ăn trọng tài, tiền làm nhiệm vụ trọng tài vượt định mức 6 người theo quy định với số tiền là 9.180.000 đồng.

**1.4. Nhiệm vụ số 18:** Chi hỗ trợ trang thiết bị nhà văn hoá tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số (103 bộ thiết bị trang âm, 57 bộ thiết bị thể thao) số tiền là 4.820.351.000 đồng.

- Đối tượng đảm bảo theo quy định của Chương trình và Hướng dẫn số

1684/HD-BVHTTDL ngày 28/4/2023 của Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch.

- Thực hiện lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng theo đúng quy định của Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn.

- Các thiết bị trang âm, thiết bị thể thao được bàn giao cho các thôn. Qua kiểm tra, xác minh tại 03 huyện: Võ Nhai (xã Liên Minh, xã Phương Giao), Định Hoá (xã Kim Phượng, xã Tân Thịnh), Phú Lương (Xã Yên Ninh, xã Phú Đô) và làm việc với Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, xác định còn một số tồn tại hạn chế sau:

+ Thực hiện bàn giao thiết bị trang âm và hướng dẫn sử dụng cho các thôn tại Trung tâm huyện, chưa thực hiện lắp đặt hoàn chỉnh tại nhà văn hóa các thôn theo biên bản bàn giao (trong biên bản bàn giao và hợp đồng là lắp đặt hoàn chỉnh tại Nhà văn hoá các thôn).

+ Bàn giao cho xóm Khuân Đã, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai 01 bộ thiết bị chưa thực hiện lắp đặt do thời điểm bàn giao đã có chủ trương sáp nhập xóm Nho và xóm Khuân Đã thành xóm Nho - Khuân Đã.

## **2. Chi đầu tư xây dựng**

Kiểm tra 07 công trình thuộc Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch do Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch làm chủ đầu tư: 03 công trình tu bổ, phục hồi di tích lịch sử văn hóa; 03 công trình bảo tồn làng, bản truyền thống; 01 công trình xây dựng điểm đến du lịch:

- Tổng giá trị dự toán là 39.807.302.498 đồng, trong đó giá trị xây lắp là 34.077.242.554 đồng.

- Tổng giá trị nghiệm thu hoàn thành đến thời điểm 01/10/2024 là 28.650.859.678 đồng.

- Giá trị giải ngân đến thời điểm 01/10/2024 là 28.530.372.556 đồng.

*(Có danh sách công trình kèm theo)*

### **2.1. Điều kiện năng lực của Ban quản lý dự án và nhà thầu**

- Điều kiện năng lực của Ban quản lý dự án do Chủ đầu tư thành lập đảm bảo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của các nhà thầu tư vấn và nhà thầu thi công đảm bảo đủ điều kiện hành nghề theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và Nghị định số 61/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh giám định cổ vật và hành nghề bảo

quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh (đối với 03 công trình tu bổ, phục hồi di tích lịch sử văn hóa).

## **2.2. Về công tác khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công**

- Công trình Tu bổ, tôn tạo cụm di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Khuôn Tát, xã Phú Đình, huyện Định Hóa: Kết quả khảo sát chưa chính xác dẫn đến dự toán tính thiếu chi phí vận chuyển bộ vật liệu để thi công các hạng mục đường bê tông, hàng rào giả tre, nhà bia đôi Nà Đình; thiết kế bề rộng mặt đường bê tông, vị trí đặt hàng rào giả tre chưa phù hợp dẫn đến trong quá trình thi công phải điều chỉnh cho phù hợp với thực tế; thiết kế hạng mục cống thoát nước mưa dẫn từ sân tập thể dục ra suối Khuôn Tát dài 37,5m nhưng thực tế địa hình xung quanh là ruộng trũng thấp, không thể thi công theo thiết kế.

- Công trình Bảo tồn làng truyền thống người Sán Chỉ, xóm Đồng Kệ, xã Phú Đình, huyện Định Hóa: Khảo sát 05 ngôi nhà truyền thống không đánh giá hệ thống rui, mè mái nhà còn sử dụng được hay phải thay thế cùng với việc cải tạo mái lá cọ; không thống kê chi tiết vách gỗ, sàn gỗ bị hư hỏng bề mặt cần vệ sinh, sửa chữa.

- Công trình Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Nùng, xóm Tân Đô, xã Hòa Bình, huyện Đồng Hỷ: Kết quả khảo sát chưa chính xác, trong quá trình thi công phải điều chỉnh, bổ sung phát sinh một số hạng mục để phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tế: đánh giá chất lượng kết cấu gỗ 05 nhà truyền thống bị hư hỏng, xuống cấp dẫn đến dự toán lập thay thế nhiều hạng mục kết cấu gỗ, khi thi công đánh giá lại một số kết cấu gỗ còn sử dụng được không phải cải tạo, thay thế; khảo sát vị trí đặt nhà vệ sinh chưa hợp lý dẫn đến phải phê duyệt điều chỉnh vị trí, quy mô và phát sinh khối lượng.

## **2.3. Về công tác dự toán**

Dự toán khối lượng một số công việc đối với 04 công trình không phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công, 02 công trình tính trùng bù chênh lệch vật liệu, 01 công trình xác định chi phí chung, đơn giá nhân công không phù hợp với định mức xây dựng, cụ thể:

- Công trình Tu bổ, tôn tạo cụm di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Khuôn Tát, xã Phú Đình, huyện Định Hóa (công trình đã nghiệm thu hoàn thành, chưa phê duyệt quyết toán): Dự toán khối lượng xây lắp chưa phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công (thừa khối lượng). Trong thời gian thanh tra, Sở đã tự rà soát và điều chỉnh giảm khối lượng nghiệm thu hoàn thành.

- Công trình Bảo tồn làng truyền thống người Sán Chỉ, xóm Đồng Kệ, xã Phú Đình, huyện Định Hóa (Công trình thi công dở dang): Dự toán khối lượng một số công việc xây lắp chưa phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công (thừa khối lượng); tính trùng bù chênh lệch vật liệu; đơn giá nhân công khu vực IV thành khu vực III;

xác định đơn giá sửa chữa mái lá cộ 05 nhà truyền thống chưa phù hợp. Trong quá trình thi công, Sở đã rà soát thiết kế bản vẽ thi công dự toán và trình UBND tỉnh chủ trương điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công, đồng thời phê duyệt dự toán điều chỉnh giảm khối lượng, đơn giá, định mức không phù hợp nêu trên (Quyết định số 1435/QĐ-SVHTTDL ngày 14/11/2024), thương thảo và ký phụ lục hợp đồng với nhà thầu xây lắp.

- Công trình Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Tày, xóm Bản Đông, xã Ôn Lương, huyện Phú Lương (Công trình thi công dở dang): Dự toán khối lượng một số công việc xây lắp chưa phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công (thừa khối lượng); tính trùng bù chênh lệch giá vật liệu. Trong thời gian thanh tra, Sở đã rà soát và phê duyệt điều chỉnh giảm dự toán (Quyết định số 1516/QĐ-SVHTTDL ngày 15/11/2024), thương thảo và ký phụ lục hợp đồng với nhà thầu xây lắp.

- Công trình Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Nùng, xóm Tân Đô, xã Hòa Bình, huyện Đông Hỷ (Công trình thi công dở dang): Dự toán chi phí chung gói thầu xây lắp theo định mức tu bổ công trình văn hóa không phù hợp với định mức tại Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng. Trong thời gian thanh tra, Sở đã tự kiểm tra, rà soát và phê duyệt điều chỉnh giảm dự toán (Quyết định số 1517/QĐ-SVHTTDL ngày 15/11/2024), thương thảo và ký phụ lục hợp đồng với nhà thầu thi công.

#### **2.4. Công tác lựa chọn nhà thầu, quản lý chất lượng công trình, quyết toán công trình**

- Chủ đầu tư đã thực hiện các bước lựa chọn nhà thầu, thương thảo, ký kết hợp đồng theo quy định Luật Đấu thầu và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

- Nhật ký thi công và hồ sơ hoàn công:

+ 03 công trình tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử: Nhà thầu tư vấn giám sát và nhà thầu thi công không lập hồ sơ ảnh ghi hình di tích trong suốt quá trình thi công theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch.

+ Nhật ký thi công Công trình xây dựng điểm đến du lịch tại xóm Bản Tèn, xã Văn Lãng, huyện Đông Hỷ không thể hiện số lượng nhân công hàng ngày trên công trường theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Việc giải ngân vốn đầu tư xây dựng đảm bảo kịp thời theo tiến độ thi công và kế hoạch vốn.

#### IV. UBND HUYỆN PHÚ LƯƠNG

##### 1. Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán, nhà ở (Dự án 1)

- Kinh phí thực hiện dự án năm 2022 và 2023

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	Nộp trả NS
1	Hỗ trợ nước sinh hoạt	1.631.000.000	1.614.447.000	16.553.000
2	Hỗ trợ nhà ở	2.162.000.000	2.162.000.000	0
	<b>Cộng:</b>	<b>3.793.000.000</b>	<b>3.776.447.000</b>	<b>16.553.000</b>

Năm 2022, 2023 UBND huyện Phú Lương đã phê duyệt và hỗ trợ 532 bồn nước Inox 1.000 lít; 07 giếng khoan; 47 nhà ở cho các hộ với tổng số tiền là 3.776.447.000 đồng.

- Về trình tự, thủ tục triển khai thực hiện: Hồ sơ có đầy đủ văn bản, tài liệu theo trình tự thủ tục về xét và phê duyệt đối tượng như: Thông báo về nội dung chính sách, đối tượng, điều kiện được hưởng hỗ trợ; đơn đăng ký nhu cầu nhận hỗ trợ của các hộ dân; biên bản họp xóm về lựa chọn các hộ; niêm yết công khai danh sách tại trụ sở UBND xã và Nhà văn hoá các xóm; văn bản đề nghị hỗ trợ của UBND cấp xã; văn bản thẩm định đối tượng hộ nghèo của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội.

- Về đối tượng: Kiểm tra hồ sơ xác định có 06 hộ gia đình được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và 01 hộ được hỗ trợ nhà ở là hộ cận nghèo không đảm bảo đúng đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc (theo quy định là hộ nghèo), gồm:

- (1) Hộ bà Hoàng Thị Loan - xóm Đồng Nội, xã Động Đạt (hỗ trợ bồn nước);
- (2) Hộ ông Nguyễn Duyên Hiếu - xóm Đin Đeng, xã Yên Trạch (hỗ trợ bồn nước);
- (3) Hộ ông Nguyễn Công Bính - xóm Ao Then, xã Yên Đổ (hỗ trợ bồn nước);
- (4) Hộ ông Hoàng Văn Tiến - xóm An Thắng, xã Yên Đổ (hỗ trợ khoan giếng);
- (5) Hộ ông Triệu Văn Nguyên - xóm Thượng, xã Yên Đổ (hỗ trợ khoan giếng);
- (6) Hộ bà Ma Thị Thái - xóm Đá Mài, xã Yên Đổ (hỗ trợ khoan giếng);
- (7) Hộ ông Nguyễn Công Hoà - xóm An Thắng, xã Yên Đổ (hỗ trợ nhà ở).

Theo báo cáo giải trình của Phòng Dân tộc huyện:

+ Trong thời gian thanh tra, 06 hộ dân được hỗ trợ bồn nước và khoan giếng không đúng đối tượng thụ hưởng đã tự nguyện nộp lại số tiền là 17.910.000 đồng.

+ Đối với hộ ông Nguyễn Công Hoà - Xóm An Thắng, xã Yên Đổ được hỗ trợ nhà ở, số tiền là 46 triệu đồng: Năm 2022, ông Hoà thuộc hộ nghèo và trong danh sách đề nghị hưởng hỗ trợ nhà ở của UBND xã Yên Đổ năm 2022 nhưng chưa được



hỗ trợ. Năm 2023 khi triển khai chính sách hỗ trợ, UBND xã Yên Đổ tiếp tục đề nghị cho hộ ông Hoà được hưởng hỗ trợ nhà ở theo danh sách năm 2022. Đến thời điểm hiện nay, cả nước đang chung tay xoá nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Chỉ thị số 42/CT-TTg ngày 09/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ với mức hỗ trợ 60 triệu đồng/01 hộ, trường hợp hộ ông Hoà chưa được hỗ trợ nhà ở theo Dự án 1 của Chương trình thì thuộc đối tượng được hưởng hỗ trợ theo chương trình xoá nhà tạm, nhà dột nát năm 2024.

- Về công tác lựa chọn nhà thầu: Trình tự, thủ tục lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng đảm bảo theo Luật Đấu thầu và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

- Việc bàn giao bồn nước: Phòng Dân tộc huyện đã bàn giao 532 bồn nước Inox cho các hộ dân, trong đó có 107 cá nhân ký nhận thay chủ hộ (*năm 2022 có 82 cá nhân, năm 2023 có 25 cá nhân*) nhưng không có văn bản uỷ quyền thay mặt của chủ hộ theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

- Việc chi trả tiền hỗ trợ nhà ở: UBND các xã thực hiện chi trả tiền hỗ trợ cho các hộ dân một lần sau khi nghiệm thu hoàn thành công trình không đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 75 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính: *“Hỗ trợ lần đầu 70% mức hỗ trợ xây mới nhà ở sau khi hoàn thành phần móng; 30% còn lại sau khi hộ gia đình hoàn thành công trình xây mới nhà ở”*.

## **2. Chi đầu tư xây dựng**

Kiểm tra 13 công trình, gồm: 04 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung (dự án 1); 09 công trình đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu (tiểu dự án 1 - dự án 4), trong đó:

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Lương làm chủ đầu tư 04 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung (dự án 1); 05 công trình đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu (dự án 1 - dự án 4):

+ Tổng giá trị dự toán 09 công trình là 33.332.901.544 đồng, trong đó giá trị xây lắp là 27.453.862.946 đồng.

+ Tổng giá trị nghiệm thu hoàn thành là 26.846.280.642 đồng; giá trị giải ngân đến ngày 01/10/2024 là 22.962.351.173 đồng.

- UBND xã Phú Lý (02 công trình thuộc tiểu dự án 1 - dự án 4):

+ Giá trị dự toán là 2.179.999.998 đồng, trong đó giá trị xây lắp là 1.802.100.538 đồng.

+ Giá trị quyết toán được duyệt là 1.719.281.970 đồng.

- UBND xã Yên Trạch (02 công trình thuộc tiểu dự án 1 - dự án 4)

+ Giá trị dự toán là 2.080.000.000 đồng, trong đó giá trị xây lắp là

1.792.304.413 đồng.

+ Giá trị nghiệm thu hoàn thành lập quyết toán A-B: 1.753.000.000 đồng.

*(Có danh sách công trình kèm theo)*

### **2.1. Điều kiện năng lực của Ban quản lý dự án và các nhà thầu**

- Điều kiện năng lực của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện đảm bảo quy định tại Điều 21 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Phú Lý, xã Yên Trạch không có cán bộ có trình độ chuyên môn được đào tạo thuộc một trong các chuyên ngành về kỹ thuật xây dựng, kiến trúc, kinh tế xây dựng, chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến xây dựng công trình theo quy định tại khoản 6 Điều 67 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng là chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của các nhà thầu tư vấn và nhà thầu thi công đảm bảo đủ điều kiện hành nghề theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

### **2.2. Công tác khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công**

Một số hạng mục công trình còn chưa phù hợp dẫn đến phải điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công, cụ thể:

- Công trình Cấp nước sinh hoạt tập trung xóm Bản Đông, xã Ôn Lương, huyện Phú Lương: Công tác khảo sát một số vị trí đầu nổi tuyến ống từ các trục đường ống chính đến nhà dân chưa chính xác về khoảng cách, vị trí đầu nổi chưa hợp lý, trong quá trình thi công phải điều chỉnh, thay đổi vị trí cho phù hợp với thực tế.

- Công trình Đường bê tông xóm Ba Họ, Đồng Danh đến trung tâm xã Yên Ninh: Hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất chưa chính xác dẫn đến trong quá trình thi công phải điều chỉnh, bổ sung, phát sinh một số hạng mục công trình như điều chỉnh độ dốc dọc đoạn từ cọc P74 (Km2+231,52) đến cọc P82 (Km2+591,88), nắn tim tuyến đoạn từ cọc 60 (Km2+293,13) đến cọc TC78 (Km2+406,16); xử lý, bổ sung lớp móng từ cọc TC78 (Km2+406,16) đến cọc 66 (Km2+495,66); bổ sung gia cố rãnh dọc và gia cố lề bằng bê tông một số đoạn có độ dốc dọc lớn.

**2.3. Về công tác dự toán:** 03 công trình do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện làm chủ đầu tư có khối lượng chưa phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công, cụ thể:

- Công trình Cấp nước sinh hoạt tập trung xóm Khuân Lân, xã Hợp Thành thừa khối lượng ống lọc D90. Chủ đầu tư đã rà soát, điều chỉnh giảm khối lượng trên và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (tháng 12/2024).



- Công trình Đường giao thông nông thôn xóm Tân Chính thừa khối lượng thép và ván khuôn ống công; Công trình Đường bê tông xóm Ba Họ, Đồng Danh đến trung tâm xã Yên Ninh trùng khối lượng đào đắp đất, cấp phối đá dăm, bê tông mặt đường tại các vị trí công ngang qua đường chiếm chỗ. Trong quá trình nghiệm thu khối lượng hoàn thành, Chủ đầu tư đã phát hiện và nghiệm thu giảm khối lượng.

#### **2.4. Công tác lựa chọn nhà thầu, quản lý chất lượng công trình, quyết toán công trình**

- Về công tác lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư đã thực hiện các bước lựa chọn nhà thầu, thương thảo, ký kết hợp đồng theo quy định tại Luật Đấu thầu và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

- Nhật ký thi công công trình: Cấp nước sinh hoạt tập trung xóm Làng Muông, xã Yên Ninh; Đường giao thông liên xã từ xóm Ao Then xã Yên Đỗ đến xóm Đin Đeng xã Yên Trạch (giai đoạn 2); Đường liên xóm Đồng Rôm đi Đồng Chợ xã Phú Lý chưa đầy đủ các thông tin số lượng nhân công, máy móc thi công hàng ngày trên công trường theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.

- Việc lập hồ sơ quyết toán công trình hoàn thành trình thẩm định, phê duyệt quyết toán chưa đảm bảo thời gian theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công chưa đảm bảo thời gian, cụ thể:

(1) Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện: Đường bê tông xóm Na Sàng đi Phú Thọ xã Phú Đô, nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng ngày 05/11/2023. Đến thời điểm thanh tra, công trình vẫn chưa phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

(2) UBND xã Yên Trạch: Công trình Tuyến đường bê tông xóm Na Mẫy, Bản Héo đi vào xã Phượng Tiến, Định Hóa (đoạn 4), nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng ngày 15/6/2023; Công trình Đường liên xóm Na Mẫy đi xóm Na Hiên xã Yên Trạch, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ngày 17/6/2023. Đến thời điểm thanh tra, các công trình trên vẫn chưa phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

- Việc giải ngân vốn đầu tư xây dựng đảm bảo kịp thời theo tiến độ thi công và kế hoạch vốn.

## **V. UBND HUYỆN ĐỊNH HÓA**

### **1. Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán (Dự án 1)**

- Kinh phí được giao là 2.810.990.000 đồng.

- Kinh phí đã sử dụng là 2.403.740.000 đồng.

- Kinh phí nộp trả ngân sách là 407.250.000 đồng.
- Năm 2023, UBND huyện Định Hóa đã phê duyệt và hỗ trợ bồn nước Inox 1.000 lít cho 880 hộ; khoan giếng, xây bể nước, đường ống dẫn nước cho 36 hộ với tổng số số tiền là 2.403.740.000 đồng.
- Các hộ dân được hưởng hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán đảm bảo đúng đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc.
- Trình tự, thủ tục thực hiện lựa chọn nhà thầu đảm bảo theo Luật Đấu thầu và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

- Việc bàn giao bồn nước có Biên bản bàn giao cho từng hộ dân. Song, có 237 cá nhân ký nhận thay chủ hộ nhưng không có văn bản ủy quyền thay mặt của chủ hộ theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

## **2. Chi đầu tư xây dựng**

Kiểm tra 18 công trình xây dựng (07 công trình nước sinh hoạt tập trung - dự án 1; 11 công trình hạ tầng thiết yếu - dự án 4) do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Định Hóa làm chủ đầu tư với tổng dự toán là 45.767.953.668 đồng, giá trị nghiệm thu hoàn thành là 43.870.003.723 đồng, số vốn đã giải ngân đến thời điểm thanh tra là 43.488.582.497 đồng.

*(Có danh sách công trình kèm theo)*

### **2.1. Về năng lực của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và nhà thầu**

- Điều kiện năng lực của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của các nhà thầu tư vấn và nhà thầu thi công đảm bảo điều kiện hành nghề theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

### **2.2. Về công tác khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công**

- Công trình nước sinh hoạt tập trung xã Sơn Phú: Không có tài liệu thu thập hồ sơ công trình hiện có đối với hạng mục sửa chữa giếng khoan;

- Công trình nước sinh hoạt tập trung xã Diêm Mạc: Đoạn đường ống nước thô từ cửa thu đến cọc 12 chiều dài 250m có địa chất là sỏi cuội sông, suối nhưng hồ sơ khảo sát chưa chi tiết về địa chất, địa hình để làm căn cứ lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (thiết kế và dự toán là đào đất cấp 3 để chôn đường ống);

- Công trình nước sinh hoạt tập trung xã Phú Tiến: Khảo sát chiều dài đường

dây điện không chính xác.

### **2.3. Về công tác dự toán**

- Chi phí xây lắp:

+ Dự toán công tác xúc cát, sỏi bể lọc công trình nước sinh hoạt tập trung các xã: Diêm Mạc, Lam Vỹ, Quy Kỳ, Bảo Linh áp dụng định mức phá móng gạch, đá không phù hợp với định mức xây dựng.

+ Khối lượng lắp đặt ống vách giếng khoan (Công trình nước sinh hoạt tập trung xã Sơn Phú và công trình nước sinh hoạt tập trung xã Phú Tiến) không phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công.

+ Dự toán công tác đào san hoàn trả mặt bằng, công tác đánh bóng mặt đường bê tông (Công trình Tuyến đường Thịnh Mỹ xã Tân Thịnh đi xã Yên Ninh huyện Phú Lương) không phù hợp với định mức xây dựng và thiết kế bản vẽ thi công.

+ Dự toán điều chỉnh giảm khối lượng xây, bê tông nhưng không điều chỉnh giảm khối lượng xi măng Nhà nước cấp (Công trình Chợ nông thôn xã Bảo Linh).

+ Sai đơn vị tính khối lượng thép (dự toán chia cho 100 nhưng đơn vị tính là tấn) Công trình cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Quy Kỳ.

- Chi phí tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Trùng khối lượng thời rửa giếng khoan và thí nghiệm nước với gói thầu xây dựng (Công trình nước sinh hoạt tập trung xã Sơn Phú) .

### **2.4. Công tác lựa chọn nhà thầu, quản lý chất lượng công trình, quyết toán**

- Hồ sơ đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định của Luật Đấu thầu và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.

- Hồ sơ quản lý chất lượng công trình có đầy đủ thí nghiệm, thống nhất vật tư đầu vào, biên bản nghiệm thu, nhật ký thi công, bản vẽ hoàn công.

- Công tác nghiệm thu chưa chi tiết dẫn đến còn có công trình nghiệm thu khối lượng hoàn thành theo dự toán như đã nêu ở phần dự toán. Ngày 22/9/2024, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện có báo cáo kết quả tự rà soát hồ sơ, kiểm tra hiện trường các công trình xây dựng và nghiệm thu điều chỉnh giảm khối lượng, thương thảo lại đơn giá với nhà thầu và trình UBND huyện phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (đối với công trình chưa quyết toán), phê duyệt điều chỉnh giảm giá trị quyết toán dự án hoàn thành (đối với công trình đã phê duyệt quyết toán):

+ Phê duyệt điều chỉnh giảm giá trị quyết toán các công trình: Quyết định số 6278/QĐ-UBND ngày 27/9/2024 (Công trình nước sinh hoạt tập trung xã Quy Kỳ); Quyết định số 6348/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 (Công trình nước sinh hoạt tập trung xã Lam Vỹ); Quyết định số 6494/QĐ-UBND ngày 10/10/2024 (Công trình nước sinh hoạt tập trung xã Bảo Linh); Quyết định 7000/QĐ-UBND ngày

30/10/2024 (Công trình nước sinh hoạt tập trung xã Điem Mạc); Quyết định số 7081/QĐ-UBND ngày 06/11/2024 (Công trình nước sinh hoạt tập trung xóm Tân Tiến, xã Phú Tiến); Quyết định số 5908/QĐ-UBND ngày 23/9/2024 (Chợ nông thôn xã Bảo Linh); Quyết định số 7096/QĐ-UBND ngày 07/11/2024 (Trạm y tế xã Bình Thành); Quyết định số 7255/QĐ-UBND ngày 15/11/2024 (Trạm y tế xã Quy Kỳ); Quyết định số 6035/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 (Sân thể thao xã Tân Thịnh).

+ Thương thảo lại đơn giá, nghiệm thu giảm khối lượng hoàn thành và phê duyệt quyết toán: Quyết định số 7321/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 (Công trình Tuyến đường Thịnh Mỹ xã Tân Thịnh đi xã Yên Ninh, huyện Phú Lương); Quyết định số 7323/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 (Công trình Cải tạo, nâng cấp sân Thể thao xã Lam Vỹ); Quyết định số 7322/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 (Công trình nước sinh hoạt tập trung xã Sơn Phú).

- Việc giải ngân vốn đầu tư xây dựng đảm bảo kịp thời theo tiến độ thi công và kế hoạch vốn.

## **C. KẾT LUẬN**

### **I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

#### **1. Những kết quả đạt được**

- Ban Dân tộc đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo, quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo; chỉ đạo UBND cấp huyện thành lập Ban chỉ đạo cấp huyện và cấp xã; trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình.

- Ban Dân tộc đã chủ trì xây dựng, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện thực hiện Chương trình; phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện Chương trình; tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn toàn tỉnh theo yêu cầu định kỳ và đột xuất.

- Ban Dân tộc đã phối hợp với các sở, ngành được giao chủ trì dự án, tiểu dự án tham mưu UBND tỉnh phân bổ vốn cho các sở, ngành và địa phương. Công tác phân bổ vốn được thực hiện theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Kết quả thực hiện Chương trình trong năm 2022 - 2023 đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với bình quân chung của cả nước theo các mục tiêu của Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; các công trình dự án đưa vào sử dụng góp phần tăng cường cơ sở vật chất thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh, nâng cao mức thụ hưởng về văn hóa cho đồng bào vùng dân tộc gắn với

phát triển du lịch cộng đồng; tổ chức các hội nghị tuyên truyền góp phần chuyển đổi nhận thức, hành vi hôn nhân của đồng bào dân tộc thiểu số, giảm thiểu tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết...

## **2. Những tồn tại hạn chế**

- Việc phân bổ vốn một số dự án chưa gắn với nhu cầu thực tế của các đơn vị được giao kinh phí; nhu cầu kinh phí của các đơn vị không có dự toán chi tiết nhiệm vụ cụ thể để thực hiện Chương trình.

- Tỷ lệ giải ngân vốn chưa cao dẫn đến chưa phát huy được hết hiệu quả của Chương trình theo kế hoạch được phê duyệt, tính đến 31/12/2023 đạt 62,57 % số dự toán được giao (484.462,7 triệu đồng/774.159,6 triệu đồng), riêng năm 2023 chỉ đạt 54,9% (341.491,9 triệu đồng/621.958,9 triệu đồng). Kinh phí đã giải ngân chủ yếu là chi cho công tác đầu tư xây dựng (giải ngân đạt 90%), nguồn vốn sự nghiệp đạt tỷ lệ giải ngân thấp (giải ngân đạt 36,5%).

- Ban Dân tộc và các đơn vị được giao chủ trì dự án, tiểu dự án chưa kịp thời tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Chương trình theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-UBND ngày 26/5/2022 của Ủy ban Dân tộc.

- Công tác kiểm tra, giám sát đánh giá chương trình chưa được thường xuyên, kịp thời theo Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá chương trình được UBND tỉnh phê duyệt.

*Trách nhiệm thuộc về:* Trưởng Ban Dân tộc, Thủ trưởng các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì dự án, tiểu dự án và công chức có liên quan.

## **II. VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG KINH PHÍ**

- Các đơn vị được kiểm tra đã chấp hành tương đối tốt các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng kinh phí, chi hỗ trợ các hộ gia đình cơ bản đảm bảo đúng đối tượng thụ hưởng của Chương trình.

- Cấp quyết định đầu tư, Chủ đầu tư cơ bản thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Xây dựng, Luật Đầu tư công, Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành trong công tác khảo sát, lập, thẩm định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán; công tác lựa chọn nhà thầu, thương thảo ký kết hợp đồng xây dựng; công tác quản lý tiến độ, chất lượng xây dựng, công tác nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào khai thác sử dụng và thanh toán vốn đầu tư; công tác kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng.

Song, công tác lập dự toán, giao dự toán và quản lý sử dụng kinh phí còn có một số tồn tại hạn chế sau:

### **1. Ban Dân tộc**

- Tổ chức tập huấn chuyên đề nghiệp vụ đấu thầu chưa phù hợp với thời

lượng thực hiện (ngày) theo quy định tại Khung chương trình đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng ban hành kèm theo Quyết định số 752/QĐ-UBND ngày 11/10/2022 của Ủy ban Dân tộc.

- Sử dụng kinh phí của Chương trình để chi làm thêm giờ cho công chức thực hiện nhiệm vụ thường xuyên của Ban không thuộc nhiệm vụ của Chương trình với số tiền là 12.857.515 đồng.

*Trách nhiệm thuộc về:* Trưởng ban, Kế toán và công chức có liên quan.

## **2. Sở Lao động Thương binh và Xã hội**

- Chưa triển khai đến các đơn vị lập dự toán chi tiết các nhiệm vụ để lập nhu cầu vốn trước khi trình UBND tỉnh phân bổ vốn.

- Giao dự toán cho các đơn vị không có dự toán chi tiết từng nhiệm vụ chi; chưa căn cứ vào biên chế, khả năng tổ chức thực hiện của các đơn vị trực thuộc và chưa rà soát các nhiệm vụ, Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững để xác định nội dung, đối tượng có trùng lặp với Chương trình để giao dự toán dẫn đến tỷ lệ giải ngân thấp.

*Trách nhiệm thuộc về:* Giám đốc Sở và công chức có liên quan.

### **2.1. Văn phòng Sở**

- Chi hỗ trợ tiền ăn cho thí sinh tham dự hội thi nấu ăn và hội thi chế biến chè không đúng đối tượng của Chương trình với số tiền là 10.800.000 đồng.

- Chi hỗ trợ tiền ăn cho công chức, viên chức tham gia tập huấn không đúng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 và khoản 5 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính với số tiền là 11.115.000 đồng.

*Trách nhiệm thuộc về:* Giám đốc Sở, Kế toán và công chức có liên quan.

### **2.2. Trường Trung cấp Dân tộc nội trú**

Chi thanh toán tiền thừa giờ cho giáo viên vượt định mức quy định với số tiền là 135.915.000 đồng.

*Trách nhiệm thuộc về:* Hiệu trưởng, Kế toán và viên chức có liên quan.

## **3. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch**

### **3.1. Chi nguồn vốn sự nghiệp**

- Công khai kết quả lựa chọn nhà thầu 02 gói thầu (Gói thầu Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm và tư liệu hoá di sản văn hoá truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số tại xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ và xã Nghinh Tường, xã Phương Giao, huyện Võ Nhai; Gói thầu Nghiên cứu, bảo tồn, phục dựng, phát huy trình diễn nghệ thuật Khèn trong lễ hội Gầu Tào của đồng bào dân tộc Mông trên địa bàn huyện Phú

Lương) chậm thời gian theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Chi tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số cấp huyện và cấp tỉnh: Chi hỗ trợ tiền ăn, hỗ trợ làm nhiệm vụ trọng tài vượt định mức, thừa cò giải thưởng, chi thuê bàn ghế không đúng dự toán với số tiền là 13.275.000 đồng.

- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch chưa chỉ đạo, phối hợp với UBND huyện Võ Nhai điều chuyển sang xóm khác sử dụng 01 bộ thiết bị thể thao đã giao cho xóm Khuôn Đã, xã Liên Minh, huyện Võ Nhai nhưng chưa thực hiện lắp đặt do thời điểm bàn giao, xóm Khuôn Đã, xã Liên minh đã có chủ trương sáp nhập xóm.

*Trách nhiệm thuộc về:* Giám đốc Sở, Kế toán và công chức có liên quan.

### **3.2. Chi đầu tư xây dựng**

- Về công tác khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công: Còn có hạng mục công trình chưa chính xác dẫn đến quá trình tổ chức thi công phải điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công, dự toán.

- Về công tác dự toán: Công tác lập, thẩm tra, thẩm định dự toán một số nội dung công việc còn có tồn tại, hạn chế như: Khối lượng không phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công; đơn giá (nhân công, định mức công việc) chưa phù hợp với định mức xây dựng; tính trùng bù giá chênh lệch vật liệu.

- Nhật ký thi công: 03 công trình tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử không có hồ sơ ảnh ghi hình di tích trong suốt quá trình thi công theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 15/2019/TT-BVHTTDL ngày 31/12/2019 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch; 01 công trình không thể hiện số lượng nhân công hàng ngày trên công trường theo quy định tại phụ lục II Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

*Trách nhiệm chính thuộc về:* Giám đốc Sở và công chức có liên quan.

## **4. UBND huyện Phú Lương**

### **4.1. Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán, nhà ở**

- Công tác rà soát, xác định đối tượng thụ hưởng tại các xã: Động Đạt, Yên Trạch, Yên Đỗ còn chưa chặt chẽ, chính xác dẫn đến hỗ trợ cho 07 hộ thuộc hộ cận nghèo không đúng đối tượng thụ hưởng (06 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và 01 hộ được hỗ trợ nhà ở).

- Bàn giao téc nước cho các cá nhân không phải là chủ hộ nhưng không có văn bản ủy quyền thay mặt của chủ hộ theo quy định theo khoản 4 Điều 3 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

- Hỗ trợ nhà ở: UBND các xã thực hiện chưa kịp thời chi trả 70% mức hỗ trợ sau khi hoàn thành phần móng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 75 Thông

tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

*Trách nhiệm thuộc về:* Trưởng phòng Dân tộc, Trưởng phòng Lao động Thương binh và Xã hội; Chủ tịch UBND các xã: Động Đạt, Yên Trạch, Yên Đổ và công chức có liên quan.

#### **4.2. Chi đầu tư xây dựng**

- Điều kiện năng lực của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng do UBND xã Phủ Lý, xã Yên Trạch thành lập chưa đảm bảo điều kiện năng lực quản lý dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

- Về công tác khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công: Còn có 02 dự án do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện làm chủ đầu tư chưa chính xác dẫn đến quá trình tổ chức thi công phải điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công, dự toán.

- Về công tác dự toán: Công tác lập, thẩm tra, thẩm định dự toán một số nội dung công việc (03 công trình do Ban Quản lý dự án huyện làm chủ đầu tư) có khối lượng dự toán chưa phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công.

- Nhật ký thi công 02 công trình do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện làm chủ đầu tư chưa đầy đủ các thông tin số lượng nhân công, máy móc thi công hàng ngày trên công trường theo quy định tại Phụ lục II Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

- Việc lập và trình phê duyệt quyết toán chưa đảm bảo thời gian theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện 01 công trình; UBND xã Yên Trạch 02 công trình.

*Trách nhiệm thuộc về:* Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Chủ tịch UBND xã: Phủ Lý, Yên Trạch và công chức, viên chức, người lao động có liên quan.

### **5. UBND huyện Định Hóa**

#### **5.1. Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán**

Bàn giao téc nước cho các cá nhân không phải là chủ hộ nhưng không có văn bản uỷ quyền thay mặt của chủ hộ theo quy định theo khoản 4 Điều 3 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính.

*Trách nhiệm thuộc về:* Trưởng phòng Dân tộc huyện và công chức có liên quan.

#### **5.2. Chi đầu tư xây dựng**

- Về công tác khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công: Còn có công trình, dự án chưa chính xác dẫn đến quá trình tổ chức thi công phải điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công, dự toán.

- Về công tác dự toán: Công tác lập, thẩm tra, thẩm định dự toán một số nội



dung công việc có khối lượng dự toán chưa phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công, đơn giá chưa phù hợp với định mức xây dựng.

*Trách nhiệm thuộc về:* Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện và công chức, viên chức, người lao động có liên quan.

## **D. KIẾN NGHỊ**

### **1. Đối với Ban Dân tộc tỉnh**

- Tăng cường công tác tham mưu cho UBND tỉnh trong công tác chỉ đạo tổ chức thực hiện Chương trình, phân bổ và giải ngân vốn thực hiện Chương trình.

- Chỉ đạo các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì dự án, tiểu dự án, UBND cấp huyện tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về Chương trình được sâu rộng, thu hút sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và người dân tham gia thực hiện Chương trình.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đánh giá kết quả thực Chương trình theo quy định.

- Tổ chức họp kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các cá nhân có liên quan đến các tồn tại hạn chế trong công tác tham mưu tổ chức thực hiện Chương trình, việc quản lý sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình được nêu tại Kết luận thanh tra.

### **2. Đối với các đơn vị: Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, UBND các huyện: Định Hóa, Phú Lương**

- Tăng cường công tác lãnh đạo gắn với kiểm tra đôn đốc các đơn vị trực thuộc trong công tác lập, giao, chấp hành dự toán chi ngân sách; chấn chỉnh những tồn tại hạn chế trong việc chấp hành pháp luật về quản lý sử dụng kinh phí và đầu tư xây dựng được nêu tại Kết luận thanh tra.

- Quản lý các dự án đầu tư xây dựng đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục, đơn giá, định mức xây dựng, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với UBND huyện Võ Nhai rà soát và điều chuyển bộ dụng cụ thể thao đã bàn giao cho xóm Khuôn Đã, xã Liên Minh cho thôn khác chưa được trang bị.

- Tổ chức kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến những tồn tại hạn chế được nêu tại Kết luận thanh tra.

### **3. Kiến nghị xử lý về kinh tế**

Thu hồi số tiền chi không đúng quy định là 201.872.515 đồng nộp vào tài khoản tạm giữ chờ xử lý của Thanh tra tỉnh tại Kho bạc nhà nước, cụ thể:

- Ban Dân tộc: Chi làm thêm giờ không đúng quy định là 12.857.515 đồng.

- Sở Lao động Thương binh và Xã hội số tiền là 21.915.000 đồng, trong đó:

+ Chi hỗ trợ thí sinh tham gia hội thi nấu ăn và hội thi chế biến chè không đúng đối tượng là 10.800.000 đồng.

+ Chi tiền ăn hội nghị tập huấn cho công chức, viên chức không đúng quy định là 11.115.000 đồng.

- Trường Trung cấp dân tộc nội trú tỉnh: Chi làm thêm giờ cho giáo viên vượt định mức là 135.915.000 đồng.

- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch: Chi các giải thể thao truyền thống các dân tộc thiểu số không đúng quy định là 13.275.000 đồng.

- UBND huyện Phú Lương: Chi hỗ trợ nước phân tán không đúng đối tượng là 17.910.000 đồng./.

**Nơi nhận:**

- Thanh tra Chính phủ (báo cáo);
- Ủy ban nhân dân tỉnh (báo cáo);
- Chánh Thanh tra tỉnh;
- Đ/c Hương - Phó CTTR tỉnh;
- Ban Dân tộc;
- Sở VH TT & DL;
- Sở LĐ TB & XH;
- UBND các huyện: Phú Lương, Định Hóa;
- Phòng Nghiệp vụ 5;
- Lưu: VT, NV4, HS TTR. *h*

**CHÁNH THANH TRA**



**Trần Văn Hậu**




**DANH SÁCH CÔNG TRÌNH CỦA SỞ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH**  
*(Kèm theo Kết luận số 02/KL-TTR ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Chánh Thanh tra tỉnh)*

*Đơn vị tính: đồng*

TT	Tên công trình	Dự toán	Giá trị hoàn thành	Số quyết toán	Số giải ngân
	<b>DA 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch</b>				
1	Tu bổ cụm di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Khuôn Tát, xã Phú Đình huyện Định Hóa	4.009.876.949	3.685.434.093		3.606.089.134
2	Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Nùng, xóm Tân Đô, xã Hòa Bình, huyện Đồng Hỷ	10.642.189.842	9.767.282.148		9.767.282.148
3	Đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tại xóm bản Tèn, xã Văn Lãng, huyện Đồng Hỷ	1.137.000.000	1.125.750.178		1.125.750.178
4	Tu bổ tôn tạo di tích nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh ở và làm việc tại đồi Tin Keo, xã Phú Đình, huyện Định Hóa (1945-1954)	3.264.000.000	3.144.710.391		2.897.101.416
5	Bảo tồn làng truyền thống dân tộc Tày, xóm Bản Đông, xã Ôn Lương, huyện Phú Lương	9.000.000.000	6.675.331.195		6.675.331.195
6	Bảo tồn làng truyền thống người Sán Chỉ xóm Đồng Kệ, xã Phú Đình, huyện Định Hóa	10.700.000.000	7.259.309.967		7.259.309.000
7	Tu bổ di tích nơi thành lập Việt Nam giải phóng quân tại Làng Quặng, xã Định Biên, huyện Định Hóa	1.054.235.647	947.285.448	947.285.448	947.285.448
	<b>Tổng cộng</b>	<b>39.807.302.438</b>	<b>32.605.103.420</b>	<b>947.285.448</b>	<b>32.278.148.519</b>



## DANH SÁCH CÔNG TRÌNH CỦA HUYỆN PHÚ LƯƠNG

(Kèm theo Kết luận số 02/KL-TTR ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Chánh Thanh tra tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	Tên công trình	Dự toán	Giá trị hoàn thành	Số quyết toán	Số giải ngân
<b>A</b>	<b>Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện</b>	<b>31.428.818.142</b>	<b>29.274.880.197</b>	<b>18.516.429.255</b>	<b>24.931.789.943</b>
<b>I</b>	<b>Công trình nước sạch tập trung (DA1)</b>	<b>7.938.041.023</b>	<b>7.181.526.424</b>	<b>3.331.755.000</b>	<b>6.917.584.000</b>
1	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xóm Làng Muông, xã Yên Ninh	1.700.000.000	1.597.929.236		1.569.901.000
2	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xóm Na Mọn - Khuân Rây, xã Phú Lý	1.372.088.574	1.242.258.989	1.242.230.000	1.241.794.000
3	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xóm Bản Đông, xã Ôn Lương	2.423.385.785	2.201.826.238		2.053.671.000
4	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xóm Khuân Lân, xã Hợp Thành	2.442.566.664	2.139.511.961	2.089.525.000	2.052.218.000
<b>II</b>	<b>DA 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu</b>	<b>23.490.777.119</b>	<b>22.093.353.773</b>	<b>15.184.674.255</b>	<b>18.014.205.943</b>
1	Đường GTNT xóm Tân Chính	1.239.694.209	1.112.149.746	1.080.874.000	935.960.000
2	Đường giao thông liên xã từ xóm Ao then, xã Yên Đỗ đến xóm Đin Deng, xã Yên Trạch (giai đoạn 2)	5.636.794.729	5.189.484.398		4.323.000.000
3	Đường bê tông xóm Na Sàng đi Phú Thọ, xã Phú Đô	1.795.182.478	1.657.951.573		1.504.822.000
4	Đường giao thông từ xóm Ba Hộ, Đồng Danh đến trung tâm xã Yên Ninh	14.819.105.703	14.133.768.056	14.103.800.255	11.250.423.943
5	Cải tạo, sửa chữa, nâng cấp Chợ xã Yên Trạch	1.900.000.000	1.843.424.811		1.500.000.000
<b>B</b>	<b>UBND xã Phú Lý làm Chủ đầu tư</b>	<b>2.180.000.000</b>	<b>2.037.754.000</b>	<b>2.037.754.000</b>	<b>2.037.754.000</b>
1	Đường bê tông xóm Na Biều	1.200.000.000	1.114.654.000	1.114.654.000	1.114.654.000
2	Đường liên xóm Đồng Rôm đi Đồng Chợ	980.000.000	923.100.000	923.100.000	923.100.000
<b>C</b>	<b>UBND xã Yên Trạch làm Chủ đầu tư</b>	<b>2.070.000.000</b>	<b>2.016.400.000</b>	<b>-</b>	<b>1.786.625.000</b>
1	Đường bê tông xóm Na Mây đi xóm Na Mây, Bản Héo vào xã Phượng Tiến, Định Hoá (Giai đoạn 4)	1.090.000.000	1.075.900.000		898.780.000
2	Đường liên xóm Na Mây đi xóm Na Hiên xã Yên Trạch	980.000.000	940.500.000		887.845.000

**DANH SÁCH CÔNG TRÌNH CỦA HUYỆN ĐỊNH HÓA**  
(Kèm theo Kết luận số 02/KL-TTR ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Chánh Thanh tra tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

TT	CÔNG TRÌNH	Dự toán	Giá trị hoàn thành	Số quyết toán	Số giải ngân
<b>I</b>	<b>DA 1: Giải quyết tình trạng nước sinh hoạt</b>	<b>11.233.612.198</b>	<b>10.343.699.504</b>	<b>7.910.781.000</b>	<b>10.181.441.000</b>
1	Công trình nước sinh hoạt tập trung xã Diêm Mặc	1.874.592.215	1.762.187.999	1.757.119.000	1.757.119.000
2	Công trình nước sinh hoạt tập trung xã Lam Vỹ	992.988.467	925.445.000	922.786.000	922.786.000
3	Công trình nước sinh hoạt tập trung xã Linh Thông	966.734.596	900.942.105	898.344.000	898.344.000
4	Công trình nước sinh hoạt tập trung xã Quy Kỳ	706.443.636	658.648.528	658.626.000	658.626.000
5	Công trình nước sinh hoạt tập trung xã Bảo Linh	1.342.317.906	1.238.931.393	1.235.306.000	1.235.306.000
6	Công trình nước sinh hoạt tập trung xóm Tân Tiến, xã Phú Tiến	2.651.410.547	2.445.912.679	2.438.600.000	2.438.600.000
7	Công trình nước sinh hoạt tập trung xã Sơn Phú	2.699.124.831	2.411.631.800		2.270.660.000
<b>II</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu</b>	<b>34.534.341.470</b>	<b>33.526.304.219</b>	<b>21.149.101.774</b>	<b>33.307.141.497</b>
1	Cải tạo, sửa chữa Trạm y tế xã Bình Thành	1.153.408.190	1.092.967.909	1.089.856.000	1.089.856.000
2	Chợ nông thôn xã Bảo Linh	1.866.069.221	1.789.683.535	1.784.615.170	1.784.615.170
3	Đường GTNT xóm Khuôn Nhà xã Quy Kỳ	7.499.614.208	7.392.525.826	7.367.715.604	7.367.715.604
4	Tuyến đường Thịnh Mỹ xã Tân Thịnh đi Yên Ninh Phú Lương	8.600.000.000	8.429.805.372		8.383.902.723
5	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Quy Kỳ	938.360.383	889.021.904	889.021.000	889.021.000
6	Cải tạo, nâng cấp đường vào trường Tiểu học, THCS Quy Kỳ	1.974.849.402	1.845.678.978	1.845.550.000	1.845.550.000
7	Cầu và đường vào trụ sở UBND xã Linh Thông	5.676.230.733	5.506.143.754	5.502.957.000	5.502.957.000
8	Cải tạo, nâng cấp sân văn hóa - thể thao xã Lam Vỹ	4.000.000.000	3.910.837.291		3.774.295.000
9	Kênh mương xóm Túc Duyên, xã Quy Kỳ	830.109.292	767.468.600	767.360.000	767.360.000
10	Cải tạo, nâng cấp sân văn hóa - thể thao xã Linh Thông	997.732.747	933.974.688	933.862.000	933.704.000
11	Cải tạo, nâng cấp sân văn hóa thể thao xã Tân Thịnh	997.967.294	968.196.362	968.165.000	968.165.000
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>80.302.295.138</b>	<b>43.870.003.723</b>	<b>29.059.882.774</b>	<b>43.488.582.497</b>